TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CAO LỘC** **TỈNH LẠNG SƠN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2025/HS-ST
Ngày 14-01-2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAO LỘC, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hứa Văn Nghiệp.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Chu Thị Hậu.

Ông Nguyễn Hoàng Anh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Văn Tùng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Bà Mã Lan Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 01 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 81/2024/TLST-HS ngày 29 tháng 11 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 93/2024/QĐXXST-HS ngày 18 tháng 12 năm 2024, Quyết định hoãn phiên toà số 92/2024/HSST-QĐ ngày 31 tháng 12 năm 2024, đối với bị cáo:

Trần Văn C (tên gọi khác: Không); sinh ngày 06 tháng 07 năm 1980 tại huyện C, tỉnh Lạng Sơn; nơi cư trú: Thôn N, xã T, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 1/12; dân tộc: Nùng; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Trần Văn S (đã chết) và bà Ngô Thị L (đã chết); vợ: Hà Minh H; con: Có 04 con; tiền án: Có 02 - Tại Bản án số 60/2020/HS-ST ngày 20-7-2020 của Toà án nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn xử phạt 10 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản; tại Bản án số 38/2018/HS-ST ngày 26-7-2022 của Toà án nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn xử phạt 12 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản; tiền sự: Không có; nhân thân: Tại Bản án số 20/2018/HS-ST ngày 05-4-2018 của Toà án nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn xử phạt 07 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản (đã được xoá); bị tạm giam từ ngày 23 tháng 8 năm 2024 đến nay; có mặt.

- *Bị hại:* Công ty cổ phần T. Địa chỉ: Khu D, thị trấn Đ, huyện C, tỉnh Lạng Sơn.

Người đại diện hợp pháp của bị hại: Ông Nông Văn N, sinh năm 1984. Địa

chỉ: Thôn Đ, thị trấn Đ, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; là người đại diện theo uỷ quyền (Giấy uỷ quyền số 13/2024/UQ-ĐD ngày 20-12-2024); vắng mặt.

- *Người làm chứng:* Ông Nông Văn N; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 11 giờ 30 phút, ngày 14-6-2024, Trần Văn C đi phát cỏ về. Khi đi qua khu vực đồi B, thôn T, xã P, huyện C, tỉnh Lạng Sơn thì thấy có ngôi nhà cấp 4, không khoá cửa, không có người trông coi, bên trong có nhiều sắt vụn. Trần Văn C đã nảy sinh ý định trộm cắp sắt vụn để mang đi bán lấy tiền tiêu. Trần Văn C đã gom sắt vụn thành bó rồi vác đi. Khi Trần Văn C đang vác sắt đi được khoảng 01km thì bị anh Nông Văn N (là nhân viên của Công ty cổ phần T) phát hiện và giữ lại. Anh Nông Văn N đã gọi điện thoại báo cáo sự việc với Công an xã P, huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Ngày 14-6-2024, Công an xã P, huyện C, tỉnh Lạng Sơn đã tiến hành lập Biên bản sự việc và lập Biên bản xác định trọng lượng sắt vụn, xác định khối lượng sắt vụn là 30,5 kilôgam.

Tại Kết luận giám định tài sản số 30/KL-HĐĐGTS ngày 04-7-2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện C, tỉnh Lạng Sơn kết luận: 30,5 kilôgam kim loại (sắt vụn) có tổng giá trị là 213.500 đồng (hai trăm mười ba nghìn năm trăm đồng).

Trong quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã trả lại 30,5 kilôgam sắt vụn cho Công ty Cổ phần T.

Tại bản Cáo trạng số 81/CT-VKS-CL ngày 29-11-2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn truy tố bị cáo Trần Văn C về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa giữ nguyên bản cáo trạng đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Trần Văn C phạm tội "Trộm cắp tài sản". Đề nghị áp dụng điểm b khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 50 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Xử phạt bị cáo Trần Văn C từ 15 (mười lăm) tháng đến 18 (mười tám) tháng tù. Hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo do bị cáo thuộc diện hộ nghèo. Về trách nhiệm bồi thường thiệt hại: Đề nghị không xem xét giải quyết do bị hại không có yêu cầu bồi thường. Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp: Do Cơ quan điều tra đã trả lại 30,5 kilôgam sắt vụn cho Công ty cổ phần T là phù hợp với quy định của pháp luật nên không đề nghị xem xét, giải quyết. Bị cáo được xem xét miễn nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Bị cáo thừa nhận Cáo trạng truy tố bị cáo về tội "Trộm cắp tài sản" là đúng tội danh, đúng với hành vi bị cáo đã thực hiện, không oan. Bị cáo không có ý kiến

tranh luận đối với đối với ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa. Lời nói sau cùng, bị cáo thể hiện ăn năn, hối hận về việc làm của bản thân, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa vắng mặt người đại diện hợp pháp của bị hại và người làm chứng. Tuy nhiên, người đại diện theo pháp luật của bị hại đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Việc vắng mặt không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án. Ngoài ra, bị cáo, Kiểm sát viên tham gia phiên toà đều đề nghị Hội đồng xét xử xét xử vụ án vắng mặt người đại diện hợp pháp của bị hại và người làm chứng. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án vắng mặt người đại diện hợp pháp của bị hại và người làm chứng theo quy định của Điều 292, Điều 293 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

[2] Hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[3] Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, diễn biến hành vi phạm tội của bị cáo, vật chứng thu giữ, kết luận định giá tài sản, lời khai của người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa. Do đó, có đủ cơ sở kết luận, ngày 14-6-2024, bị cáo Trần Văn C là người thực hiện hành vi trộm cắp 30,5 kilôgam sắt vụn của Công ty cổ phần T có tổng trị giá 213.500 đồng (hai trăm mười ba nghìn năm trăm đồng). Mặc dù tài sản do bị cáo trộm cắp có giá trị dưới 2.000.000 đồng (hai triệu đồng) nhưng bị cáo đã 02 (hai) lần bị kết án về tội "Trộm cắp tài sản" tại Bản án số 60/2020/HS-ST ngày 20-7-2020 và Bản án số 38/2018/HS-ST ngày 26-7-2022 đều của Toà án nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn và đều chưa được xoá án tích. Do đó, hành vi trộm cắp 30,5 kilôgam sắt vụn của bị cáo đã phạm vào tội "Trộm cắp tài sản" quy định tại Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015. Do vậy, có đủ căn cứ kết tội bị cáo Trần Văn C phạm tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định của điểm b khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015.

[4] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội thuộc trường hợp phạm tội ít nghiêm trọng, đã xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, xâm phạm trật tự công cộng gây ảnh hưởng xấu cho xã hội, gây mất trật tự trị an tại địa phương. Khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo có năng lực chịu trách nhiệm hình sự và có khả năng nhận thức hành vi trộm cắp tài sản là vi phạm pháp luật nhưng bị cáo vẫn cố ý thực hiện hành vi phạm tội.

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

[6] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội và thuộc hộ nghèo. Do đó, bị cáo được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015.

[7] Về nhân thân: Bị cáo đã bị xử lý lý hình sự, 01 bản án đã được xoá án tích, 02 bản án chưa được xoá án tích.

[8] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử thấy rằng cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù tại cơ sở giam giữ mới đảm bảo tính nghiêm minh, răn đe, giáo dục đối với bị cáo cũng như phòng ngừa chung cho xã hội.

[9] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo thuộc hộ nghèo. Do đó, Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[10] Về bồi thường thiệt hại: Do bị hại không có yêu cầu bồi thường nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết..

[11] Về xử lý vật chứng, biện pháp tư pháp: Cơ quan điều tra đã trả lại 30,5 kilôgam sắt vụn cho Công ty Cổ phần T JSC là phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử không cần phải xem xét, giải quyết.

[12] Về án phí: Bị cáo bị kết án nhưng thuộc trường hợp được miễn nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm và đề nghị được miễn nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm. Do đó, bị cáo được xem xét miễn nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

[13] Ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa là phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[14] Ý kiến của bị cáo, bị hại được Hội đồng xét xử xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật.

[15] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án theo định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 50 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14, khoản 6 Điều 15 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, nộp, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào Điều 292, Điều 293 Điều 331, Điều 332 và Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Trần Văn C phạm tội "Trộm cắp tài sản".

2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Trần Văn C 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giam là ngày 23 tháng 8 năm 2024.

3. Hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo Trần Văn C.

4. Về án phí: Bị cáo Trần Văn C được miễn nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt tại phiên toà, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn.
- Sở Tư pháp, tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện Cao Lộc;
- Công an huyện Cao Lộc;
- Chi cục THADS huyện Cao Lộc;
- Chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hứa Văn Nghiệp